

Số: 1531/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” trung hạn 5 năm (2016 - 2020)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/2/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-NHNN ngày 12/8/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thành lập Ban Quản lý Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số 4505-VN ký ngày 21/04/2009 giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế;

Căn cứ Thư sửa đổi Hiệp định tài trợ Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” ngày 26/12/2014; và Thư gia hạn thời gian kết thúc Dự án ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-NHNN ngày 24/3/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”;

Căn cứ Quyết định số 1530/QĐ-NHNN ngày 20/7/2017 về việc sửa đổi Quyết định số 600/QĐ-NHNN ngày 24/3/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” trung hạn 5 năm (2016 - 2020).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư FSMIMS, Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tin dụng Quốc gia Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Trưởng Ban Triển khai dự án Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BLĐ NHNN;
- Các Vụ, Cục thuộc NHNN;
- Lưu VP, Ban FSMIMS.

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Nguyễn Kim Anh

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN
“HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ VÀ HIỆN ĐẠI HÓA NGÂN HÀNG”
TRUNG HẠN 5 NĂM (2016 – 2020)
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~453~~/QĐ-NHNN ngày ~~20~~/.../2017)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

- | | |
|--------------------------------------|--|
| 1. Tên Dự án (tiếng Việt): | Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa ngân hàng |
| 2. Tên Dự án (tiếng Anh): | Financial sector modernization and Information management system |
| 3. Tên nhà tài trợ: | Ngân hàng Thế giới (WB) |
| Đồng tài trợ: | Chính phủ Nhật Bản |
| 4. Thời gian thực hiện Dự án: | bắt đầu từ ngày 21/4/2009 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 |

II. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Mục tiêu dự án là hỗ trợ NHNN, Trung tâm Thông tin tín dụng và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cải thiện kết quả thực hiện các chức năng chính của mình theo tiêu chuẩn quốc tế liên quan trong lĩnh vực ngân hàng, thông qua (a) xây dựng một hệ thống tập trung, tích hợp các quy trình nghiệp vụ tiên tiến và một kiến trúc công nghệ thông tin hiện đại; và (b) tăng cường năng lực thể chế để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của mình.

III. CÁC KẾT QUẢ DỰ KIẾN CỦA DỰ ÁN

1. Chỉ số kết quả Dự án

Kết quả thực hiện Mục tiêu phát triển Dự án sẽ được đánh giá dựa trên các chỉ số kết quả chủ yếu như sau:

1.1. Phần 1, Hiện đại hóa Ngân hàng Nhà nước: NHNN củng cố các chức năng chính của mình thể hiện bởi:

i. Chức năng chính sách – tính chính xác và phù hợp của số liệu thống kê với Hướng dẫn của IMF về Thống kê tiền tệ và tài chính và phổ biến dữ liệu chung được cải thiện; NHNN nộp báo cáo tiền tệ hàng tháng cho IMF; kết quả của 02 chương trình nghiên cứu được công bố theo định kỳ;

ii. Chức năng thanh tra giám sát – Việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Basel (Basel Core Principles) đối với giám sát ngân hàng hữu hiệu về thanh tra giám sát từ xa được cải thiện, đặc biệt việc giám sát từ xa định kỳ về các hồ sơ rủi ro ngân hàng.

iii. Chức năng kế toán – Việc trình bày, cách thức tổng hợp và tính kịp thời của các báo cáo tài chính của NHNN một mặt phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam (VAS) cũng như các yêu cầu quản lý của NHNN; mặt khác, phù hợp với các thông lệ và chuẩn quốc tế áp dụng đối với các ngân hàng trung ương, đặc biệt là trong việc cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các yêu cầu theo quy định của Việt Nam.

1.2. Phần 2, Củng cố chức năng CIC: thông tin tín dụng do CIC cung cấp là toàn diện, phù hợp với các thông lệ PCR của các nước OECD, bao quát quá trình trả nợ, nợ chưa trả hay dư nợ theo người vay và theo hợp đồng.

1.3. Phần 3, Tăng cường chức năng BHTG: BHTG củng cố năng lực quản trị rủi ro thể hiện bởi độ bao quát của các báo cáo đánh giá đối với rủi ro tín dụng được cải thiện, và việc áp dụng phù hợp với khuyến nghị của Nhóm công tác quốc tế về bảo hiểm tiền gửi thuộc Diễn đàn ổn định tài chính.

2. Chỉ số đầu ra hợp phần:

Kết quả đạt được các sản phẩm đầu ra theo dự kiến của các cấu phần dự án sẽ được theo dõi và đánh giá theo các chỉ số đầu ra chính như sau:

2.1. Đối với phần A (1), B (1), C (1)^(*), NHNN, CIC và BHTG củng cố các chức năng chính thể hiện ở chất lượng nâng cao của 2-3 chương trình công tác quan trọng và sắp xếp lại quy trình nghiệp vụ chính¹ thể hiện bởi:

- i. Quy định, quy trình và chính sách hoạt động mới/sửa đổi được NHNN/CIC/BHTG triển khai;
- ii. Chương trình nghiên cứu về 2 chủ đề² và chương trình đào tạo trung hạn được NHNN triển khai.

2.2. Đối với phần A (2), B (2), C (2)^(*), NHNN, CIC và BHTG lắp đặt, quản lý và khai thác tập trung các hệ thống phần cứng, phần mềm và thiết lập nền tảng CNTT tập trung đồng bộ với các thiết kế khái niệm kiến trúc CNTT được chấp thuận thể hiện bởi:

- i. Quy trình hoạt động tự động hóa được áp dụng nhằm phát hiện sự không thống nhất hoặc lỗi trong cung cấp và lưu chuyển thông tin;
- ii. Xác nhận của bên thứ ba độc lập về việc đạt được các kết quả dự kiến trong triển khai hệ thống trước khi nghiệm thu.

¹ Chương trình công tác quan trọng và quy trình nghiệp vụ chính bao gồm: (i) Nghiệp vụ thị trường mở; (ii) dự báo và xác định mục tiêu lạm phát; (iii) quy trình nghiệp vụ kế toán tài chính mới; (iv) hệ thống tài khoản kế toán mới.

² Dự báo lạm phát ở Việt Nam và đánh giá mức độ rủi ro lây lan trong thị trường liên ngân hàng ở Việt Nam thông qua ma trận các mối quan hệ cho vay giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(*) Ghi chú:

A: Hiện đại hóa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

B: Tăng cường năng lực Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

C: Tăng cường năng lực Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam

(1): Củng cố chức năng và cải tiến quy trình nghiệp vụ

(2): Xây dựng nền tảng Công nghệ thông tin

2.3. Đối với phần A, B, C^(*), lãnh đạo NHNN, CIC và BHTG được đào tạo về quy trình nghiệp vụ mới và các chính sách/quy trình hoạt động liên quan, công cụ báo cáo/phân tích mới và CNTT liên quan, thể hiện qua:

- i. NHNN/CIC/BHTG thông qua các kế hoạch đào tạo CNTT và nghiệp vụ toàn diện và có thời hạn;
- ii. Hoàn thành các hoạt động đào tạo đúng thời gian dự kiến.

IV. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

Nguồn vốn	Nguyên tệ SDR	Quy đổi USD
Vốn ODA	38.200.000	
IDA (Vốn vay Hiệp hội phát triển quốc tế)		60.000.000(*)
PHRD (Vốn viện trợ không hoàn lại từ Quỹ Phát triển Nguồn Nhân lực của Chính phủ Nhật bản)		830.000
Vốn đối ứng (phần đóng góp của Chính phủ)	-	11.000.000

(*) Số tiền tài trợ 38.200.000 SDR quy đổi tương đương 60.000.000 USD theo tỷ giá tại thời điểm ký kết Hiệp định. Hiện nay, tỷ giá SDR/USD giảm nên số tiền được giải ngân từ tài khoản tín dụng IDA quy đổi USD giảm.

V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Đánh giá về việc thực hiện Mục tiêu phát triển của Dự án:

Đến hết năm 2015, rất nhiều mục tiêu của Dự án FSMIMS đã đạt được như: sắp xếp lại quy trình nghiệp vụ chính (Nghiệp vụ thị trường mở, dự báo và xác định mục tiêu lạm phát, quy trình nghiệp vụ kế toán – tài chính mới, hệ thống tài khoản kế toán mới); Quy định, quy trình và chính sách hoạt động mới/sửa đổi; triển khai chương trình đào tạo trung hạn; thông qua các kế hoạch đào tạo CNTT và nghiệp vụ toàn diện và có thời hạn.

Bên cạnh đó, nhiều mục tiêu đã hoàn thành một phần như: thực hiện chương trình nghiên cứu (chủ đề “Dự báo và xác định mục tiêu lạm phát ở Việt Nam); Quy trình tự động hóa đã được áp dụng tại CIC; Xác nhận của bên thứ 3 độc lập về việc đạt được các kết quả dự kiến trong triển khai hệ thống trước khi nghiệm thu (đã hoàn thành đối với hệ thống CG1); hoàn thành các hoạt động đào tạo đúng thời gian dự kiến (đã hoàn thành toàn bộ các khóa đào tạo thuộc nhóm hợp phần Tăng cường năng lực và phần lớn các khóa đào tạo CNTT).

2. Các kết quả triển khai đạt được tính đến hết năm 2015

2.1. Nhóm công việc “Tăng cường năng lực thể chế”: đã hoàn thành từ tháng 10/2013.

Các đơn vị của NHNN đã rà soát và đánh giá lại khối lượng lớn các quy trình hoạt động nghiệp vụ của mình (riêng Khối chính sách có khoảng 70 quy trình nghiệp vụ) để từ đó sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ, quy trình nghiệp vụ của các Vụ, Cục, Cơ quan, đơn vị trong NHNN, loại bỏ sự chồng chéo giữa các đơn vị. Những công việc này cần nhiều thời gian và đòi hỏi đội ngũ nhân sự triển khai phải có kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong các lĩnh vực liên quan. Sau quá trình phối hợp với Tư vấn EY rà soát, đánh giá, sắp xếp lại các quy trình nghiệp vụ, Thống đốc NHNN đã phê duyệt gần 70 báo cáo thuộc hợp phần Tăng cường năng lực thể chế của Dự án, bao gồm các báo cáo đánh giá hiện trạng, báo cáo cải tiến quy trình nghiệp vụ, báo cáo về cơ cấu tổ chức của Khối chính sách, báo cáo yêu cầu người sử dụng, báo cáo về chương trình đào tạo trung hạn cho NHNN, báo cáo về chương trình nghiên cứu trung hạn.

2.2. Nhóm công việc “Xây dựng và phát triển nền tảng công nghệ thông tin”: bắt đầu triển khai từ năm 2014, nhưng tập trung chủ yếu vào năm 2015 và 2016. Đến cuối năm 2015, toàn bộ các hệ thống CNTT quan trọng của Dự án đã đi vào các giai đoạn khác nhau của quá trình triển khai. Đặc biệt, các Hợp đồng như CG1 “Các ứng dụng quản lý dữ liệu CIC (các máy chủ chính, kho lưu trữ dữ liệu lõi và các ứng dụng liên quan)” đã hoàn thành nghiệm thu vận hành giai đoạn 1 và đưa vào vận hành thực tế một số Module; Hợp đồng SG3.1 “Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống cho NHNN” đã hoàn thành giai đoạn 1 và đi vào vận hành từ tháng 12/2015; Hợp đồng DG1 “Cung cấp, lắp đặt và tích hợp hệ thống CNTT và truyền thông cho quy trình nghiệp vụ tiên tiến của BHTGVN” đã hoàn thành bàn giao, lắp đặt và cài đặt Phần cứng và phần mềm tiêu chuẩn.

Kết quả triển khai các Hợp đồng CNTT khác, cụ thể như sau:

- Hợp đồng SG1.1 “Máy chủ, lớp giữa và cơ sở dữ liệu cho NHNN”: Đã hoàn thành 95% khối lượng công việc, đã cung cấp hạ tầng cho vận hành và kiểm thử các hệ thống thông tin thuộc các gói thầu.
- Hợp đồng SG3.2 “Hệ thống quản trị văn bản và nguồn nhân lực cho NHNN”: bao gồm 2 cấu phần:
 - Cấu phần quản lý văn bản: đã hoàn thành giai đoạn Khảo sát, phân tích khác biệt và thiết kế hệ thống.
 - Cấu phần quản lý nguồn nhân lực: đã hoàn thành giai đoạn Đặc tả chức năng hệ thống (Blueprint) và bắt đầu chuyển sang giai đoạn phát triển hệ thống nghiệp vụ.
- Hợp đồng SG4 “Quản trị Cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu và các ứng dụng liên quan cho NHNN”: đã hoàn thành thiết kế kỹ thuật và đang trong giai đoạn phát triển hệ thống.

3. Kết quả giải ngân: tính đến thời điểm 31/12/2015, Dự án đã giải ngân được 29,06 triệu USD, đạt 51,4% vốn ODA. Kết quả giải ngân của Dự án qua các năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: triệu USD

Lũy kế đến:	2012	2013	2014	2015
Giá trị giải ngân	2,19	3,92	17,03	29,06
% tổng vốn ODA	3,92%	7,01%	30%	51,4%

Chi tiết lũy kế giải ngân của các hợp đồng từ đầu dự án đến hết 31/12/2015 (từ nguồn vốn nước ngoài) như sau:

Đơn vị tính: USD

Hợp phần/ Hạng mục		Lũy kế giải ngân thực tế từ đầu dự án đến hết 31/12/2015
I	Hợp phần SBV & CIC	23.084.331,81
I.1	Dịch vụ tư vấn	4.455.866,48
1	ST1 - Cùng cố chức năng, sắp xếp và cải tiến quy trình nghiệp vụ của NHNN và CIC	3.806.854,22
2	ST2- Nhóm chuyên gia quốc tế nhằm đảm bảo chất lượng	127.325,71
3	ST3- Tư vấn quản lý và điều phối các gói thầu CNTT	27.944,75
4	ST4 - Hỗ trợ Ban QLDA	88.885,58
5	ST5 - Chuyên gia tư vấn quốc tế về đấu thầu mua sắm ICT	20.803,84
6	ST6.1 - Kiểm toán báo cáo tài chính đợt 1	15.418,10
7	ST6.2 - Kiểm toán báo cáo tài chính - đợt 2	45.800,96
9	ST7 - Quản lý thay đổi	177.744,25
10	ST9 - Tư vấn thiết kế và giám sát triển khai Trung tâm dữ liệu mới cho NHNN	145.089,07
I.2	Đào tạo, khảo sát	270.433,60
11	Đào tạo, khảo sát SBV1	112.269,96
12	Đào tạo, khảo sát SBV3	158.163,64
I.3	Hàng hóa	18.358.031,73
15	SG1.1 -Máy chủ, lớp giữa và cơ sở dữ liệu cho NHNN	8.539.801,91
18	SG3.1 - Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống cho NHNN	2.558.332,66
19	SG3.2 - Hệ thống quản trị văn bản và nguồn nhân lực NHNN	314.484,32
21	SG4- Quản trị cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu và các ứng dụng liên quan cho NHNN	1.621.165,67
22	SG5.1 - Thiết bị văn phòng cho Ban QLDA FSMIMS	28.514,18
23	SG5.2 - Thiết bị văn phòng cho Ban QLDA FSMIMS	22.389,41
24	CG1 - Các ứng dụng quản lý dữ liệu CIC (các máy chủ chính, kho dữ liệu lõi và ứng dụng liên	5.273.343,58

	quan).	
II	Hợp phần DIV	5.972.783,39
II.1	Dịch vụ tư vấn	620.189,46
25	Gói thầu DT#1	481.231,46
26	Gói thầu DT#2	138.958,00
II.2	Hàng hóa	5.289.322,05
29	Gói thầu DG#1	5.269.152,32
30	Mua sắm thiết bị văn phòng (DG2)	20.169,73
II.3	Đào tạo, khảo sát	63.271,88
31	Đào tạo, khảo sát	63.271,88
Tổng		29.057.115,20

VI. KẾ HOẠCH DỰ ÁN

A. Khái quát chung

Trọng tâm của giai đoạn 2016 - 2020 là tập trung hoàn thành đúng thời hạn và đảm bảo chất lượng các gói thầu CNTT; bảo hành, tinh chỉnh và ổn định các hệ thống CNTT thuộc phạm vi Dự án; quảng bá về các kết quả của Dự án và đánh giá kết thúc Dự án. Các nhiệm vụ chính như sau:

- Hoàn thành triển khai các hệ thống CNTT, đưa vào vận hành, khai thác và tổ chức nghiệm thu hợp đồng đối với các Hợp đồng CG1, SG3.1, SG3.2, SG4, SG1.2, DG1.
- Hoàn thành các công việc còn lại của các hợp đồng dịch vụ tư vấn ST1, ST3, ST6.2, ST7, ST9, DT1, DT2, DT3.
- Thực hiện các hoạt động giải ngân của Dự án.
- Tiếp tục thực hiện và hoàn thành các hoạt động hướng tới mục tiêu phát triển của Dự án (PDO) đã cam kết với nhà tài trợ.
- Các đơn vị tham gia triển khai Dự án xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động của các hệ thống mới.
- Đánh giá kết thúc Dự án.

B. Kế hoạch cụ thể giai đoạn 2016 - 2020

1. Nhóm hợp phần NHNN

1.1. Công tác triển khai các Hợp đồng CNTT

- **Hợp đồng SG1.1 “Máy chủ, lớp giữa và cơ sở dữ liệu cho NHNN”**

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Tinh chỉnh hệ thống theo yêu cầu hỗ trợ của các gói thầu phần mềm ứng dụng	12/2016	Các đơn vị tham gia triển khai các gói thầu SG3.1, SG3.2, SG4
2.	Bảo hành hệ thống định kỳ hoặc đột xuất (nếu có)	6/2017	Nhân lực: Nhà thầu, Cục CNTT và Ban QLDA
3.	Đào tạo bảo hành (01 khóa)	3/2017	

- **Hợp đồng SG1.2 “Cung cấp, lắp đặt và di chuyển Trung tâm dữ liệu mới của NHNN”**

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai TTDL	3/2017	- Nhân lực: Cục CNTT; Ban QLDA; Nhà thầu MNR. - Vốn IDA
2.	Nghiệm thu hợp đồng	6/2017	
3.	Bảo hành hệ thống cho 02 năm đầu tiên	3/2019	

- **Hợp đồng SG3.1 “Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống cho NHNN”**

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1	Hoàn thành triển khai hệ thống	12/2016	Nhân lực: Cục CNTT, Ban FSMIMS, Vụ TCKT, SGD.
2	Bảo hành hệ thống SG3.1 giai đoạn 1	12/2016	
3	Bảo hành hệ thống SG3.1 giai đoạn 2, tinh chỉnh hệ thống	12/2017	

- **Hợp đồng SG3.2 “Hệ thống quản trị văn bản và nguồn nhân lực cho NHNN”**

a. Cấu phần Quản lý văn bản

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai hệ thống	7/2016	Nhân lực: Văn phòng; Cục CNTT; Ban QLDA.
2.	Bảo hành và tinh chỉnh hệ thống	9/2017	

b. Cấu phần Quản lý nguồn nhân lực

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai hệ thống	9/2017	- Nhân lực: Vụ TCCB; Cục CNTT; Ban QLDA. - Vốn IDA
2.	Bảo hành và tinh chỉnh hệ thống	9/2018	

- **Hợp đồng SG4 “Quản trị cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu và các ứng dụng**

liên quan cho NHNN”

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai hệ thống	12/2016	Nhân lực: Cục CNTT, Vụ DBTK, Vụ CSTT, Vụ TDCNKT, Vụ QLNH, Vụ Thanh toán, CQTTGSNH; Ban QLDA; Nhà thầu WINOMI.
2.	Bảo hành và tinh chỉnh hệ thống	12/2017	

- Hợp đồng CGI “Các ứng dụng quản lý dữ liệu CIC”

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1	Hoàn thành triển khai hệ thống	3/2016	Nhân lực: CIC, Ban FSMIMS, Cục CNTT
2	Bảo hành, tinh chỉnh hệ thống - Phần mềm - Phần cứng	- 3/2017 - 3/2018	

1.2. Công tác triển khai các hợp đồng/gói thầu Tư vấn

- Hợp đồng ST1 “Củng cố chức năng, sắp xếp và cải tiến quy trình nghiệp vụ của NHNN và CIC”

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai Hợp đồng	12/2017	- Nhân lực: Tư vấn EY, Ban QLDA. - Vốn IDA
2.	Thanh toán, thanh lý hợp đồng	03/2018	

- Hợp đồng ST3 “Tư vấn quản lý và điều phối các gói thầu CNTT”

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai Hợp đồng	12/2017	- Nhân lực: Tư vấn Leading Associates; Tổ triển khai ST3; và các đơn vị liên quan - Vốn IDA
2.	Thanh toán, thanh lý hợp đồng	12/2017	

- Hợp đồng ST6.2 “Kiểm toán độc lập báo cáo tài chính dự án – giai đoạn 2”

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Kiểm toán báo cáo tài chính dự án năm tài chính 2015	6/2016	- Nhân lực: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và Ban QLDA; - Vốn IDA
2.	Kiểm toán báo cáo tài chính dự án năm tài chính 2016	6/2017	
3.	Kiểm toán báo cáo tài chính dự án năm tài chính 2017 và 4	10/2018	

	tháng đầu năm 2018		
--	--------------------	--	--

- **Hợp đồng ST7 “Quản lý thay đổi”**

TT	Sản phẩm	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai hợp đồng	1/2016	- Nhân lực: Tư vấn KDi; Ban QLDA. - Vốn IDA
2.	Thanh toán và thanh lý hợp đồng	5/2016	

- **Hợp đồng ST9 “Tư vấn thiết kế và giám sát triển khai Trung tâm dữ liệu mới của NHNN”**

TT	Sản phẩm	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai hợp đồng	3/2017	- Nhân lực: Tư vấn IBM; Cục CNTT; Ban QLDA. - Vốn IDA
2.	Nghiệm thu hợp đồng	6/2017	

1.3. Các hoạt động nghiên cứu trung hạn

a. Vụ Dự báo thống kê tiếp tục triển khai chương trình nghiên cứu “Dự báo lạm phát tại Việt Nam” được phê duyệt tại Quyết định số 1518/QĐ-NHNN ngày 08/7/2013;

b. Sở Giao dịch: tiếp tục đề xuất triển khai chương trình nghiên cứu “Rủi ro lây lan trên thị trường liên ngân hàng tại Việt Nam” tại Quyết định số 1518/QĐ-NHNN ngày 08/7/2013.

2. Nhóm hợp phần BHTG:

- **Hợp đồng DT1 “Củng cố chức năng, sắp xếp và cải tiến quy trình nghiệp vụ”:**

TT	Nội dung công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai hợp đồng	12/2016	- Nhân lực: Tư vấn DT1, Ban Triển khai dự án BHTGVN và các đơn vị liên quan - Vốn: IDA.
2.	Thanh toán, thanh lý hợp đồng	7/2017	

- **Hợp đồng DT3 “Xác nhận hệ thống CNTT độc lập của bên thứ 3”:**

TT	Nội dung công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai hợp đồng	11/2016	- Nhân lực: Tư vấn DT3, Ban Triển khai dự án BHTGVN và các đơn vị liên quan - Vốn: IDA.
2.	Thanh toán, thanh lý hợp đồng	7/2017	

- **Hợp đồng DG1 “Cung cấp, lắp đặt và tích hợp hệ thống CNTT và truyền thông cho quy trình nghiệp vụ tiên tiến của BHTG”:**

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Hoàn thành triển khai hệ thống	10/2016	- Ban TKDA BHTGVN và các đơn vị liên quan, Nhà thầu.
2.	Bảo hành và tinh chỉnh hệ thống	10/2017	

VII. Biểu kế hoạch thực hiện và phân bổ vốn của chương trình, dự án giai đoạn 2016-2020 nêu tại Phụ đính TH 2.1

[illegible]

- TGA: sự thay đổi khối lượng theo nhiệt độ. Ví dụ: sự phân hủy của polymer ở nhiệt độ cao.
- DSC: đo sự thay đổi nhiệt độ theo thời gian. Ví dụ: đo nhiệt độ chuyển pha của polymer.
- TGA và DSC thường được sử dụng để nghiên cứu tính ổn định nhiệt của polymer.